

Số: 233/QĐ-UBND

Đồng Hới, ngày 18 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai số liệu dự toán ngân sách Thành phố năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài Chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 19/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Đồng Hới về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước thành phố Đồng Hới năm 2024;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024.

(Theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND-UBND thành phố, Trưởng phòng Tài chính-Kế hoạch, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện quyết định này. / *hu*

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân Tỉnh
- Sở Tài chính;
- Thành ủy Đồng Hới;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND TP;
- Viện kiểm sát nhân dân TP;
- Tòa án nhân dân TP;
- Cơ quan các đoàn thể của TP;
- UBND các xã, phường;
- Đ/c CT và các PCT UBND TP;
- Lưu VP HĐND-UBNDTP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



HOÀNG NGỌC ĐAN

**CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2024**(Kèm theo Quyết định số **233** /QĐ-UBND ngày **18/01** /2024 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.035.566.000
I	Thu ngân sách Thành phố được hưởng theo phân cấp	662.712.200
-	Thu ngân sách Thành phố hưởng 100%	8.100.000
-	Thu ngân sách Thành phố hưởng từ các khoản thu phân chia	654.612.200
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229.691.120
-	Thu bổ sung cân đối	193.706.480
-	Thu bổ sung có mục tiêu	35.984.640
III	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	81.897.207
IV	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý	61.265.733
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	1.035.566.000
I	Tổng chi cân đối ngân sách Thành phố	1.035.566.260
1	Chi đầu tư phát triển	417.504.000
2	Chi thường xuyên	599.771.992
3	Dự phòng ngân sách	18.290.268
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, tiết kiệm chi thường xuyên	
5	Chi khác	
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

**CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số **233** /QĐ-UBND ngày **18** / **01** /2024 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ	
I	Nguồn thu ngân sách	1.035.566.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	662.712.200
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	229.691.120
-	Thu bổ sung cân đối	193.706.480
-	Thu bổ sung có mục tiêu	35.984.640
3	Thu điều tiết từ các khoản thu do tính quản lý	61.265.733
4	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	81.897.207
II	Chi ngân sách	1.035.566.000
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp Thành phố	974.063.380
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	61.502.880
-	Chi bổ sung cân đối	54.531.520
-	Chi bổ sung có mục tiêu	6.971.360
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Nguồn thu ngân sách	260.326.000
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	194.237.800
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp Thành phố	61.502.880
-	Thu bổ sung cân đối	54.531.520
-	Thu bổ sung có mục tiêu	6.971.360
3	Thu điều tiết từ các khoản thu do tính quản lý	1.734.267
4	Thu chuyển nguồn CCTL năm trước chuyển sang	2.850.793
5	Thu kết dư	
II	Chi ngân sách	260.326.000

Uhu

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 233 /QĐ-UBND ngày 18/ 01 /2024 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2024	
		Tổng thu NSNN	Thu NS Thành phố
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	1.780.750.000	1.843.750.000
I	Thu nội địa	1.780.750.000	1.780.750.000
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	6.000.000	6.000.000
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	97.000.000	97.000.000
5	Thuế thu nhập cá nhân	41.000.000	41.000.000
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	98.000.000	98.000.000
8	Thu phí, lệ phí	10.000.000	10.000.000
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	9.500.000	9.500.000
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	11.800.000	11.800.000
12	Thu tiền sử dụng đất	1.481.000.000	1.481.000.000
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu hồi vốn lợi nhuận sau thuế	600.000	600.000
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	1.500.000	1.500.000
16	Thu khác ngân sách	24.000.000	24.000.000
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	350.000	350.000
II	Thu điều tiết từ các khoản thu do tỉnh quản lý		63.000.000

Lu

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ, CHI NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU CHI
NĂM 2024**

(Phụ lục kèm theo Quyết định số **233** /QĐ-UBND ngày **18/01** /2024 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: *Ngàn đồng*

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NSDP	1.295.892.000	1.035.566.000	260.326.000
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	1.295.892.000	1.035.566.000	260.326.000
I	Chi đầu tư phát triển	560.140.000	417.504.000	163.100.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	560.140.000	417.504.000	163.100.000
	<i>Trong đó: Chia theo lĩnh vực</i>	0		
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	0		
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	0		
	<i>Trong đó: Chia theo nguồn vốn</i>	0		
-	<i>Vốn tập trung trong nước</i>		20.464.000	
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>	560.140.000	397.040.000	163.100.000
-	<i>Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết</i>	0		
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật	0		
3	Ghi thu ghi chi chí phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất	0		
4	Chi đầu tư phát triển khác	0		
II	Chi thường xuyên	685.059.000	599.772.000	85.287.000
1	Chi quốc phòng, an ninh	15.993.000	8.631.000	7.362.000
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	307.694.000	307.244.000	450.000
3	Chi sự nghiệp môi trường	6.577.000	6.577.000	
4	Chi sự nghiệp y tế	30.756.000	30.563.000	193.000
5	Chi sự nghiệp dân số KHHGD	0		
6	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao	14.498.000	14.032.000	466.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	0		
8	Chi đảm bảo xã hội	44.578.000	41.164.000	3.414.000
9	Chi sự nghiệp kinh tế	118.898.000	118.898.000	
10	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	132.188.000	58.974.000	73.214.000
11	Chi khác ngân sách	13.878.000	13.690.000	188.000
12	Kinh phí hỗ trợ XD nhà văn hóa (TP)	0		
13	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để làm lương	0		

STT	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường
A	B	1=2+3	2	3
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0		
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0		
V	Dự phòng ngân sách	23.258.000	18.290.000	4.968.000
VI	Các khoản chi có mục tiêu từ nguồn NS cấp trên	6.971.000		6.971.000
VII	Chi các nhiệm vụ khác từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương	0		
VIII	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, dự phòng các chế độ tăng thêm	0		
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	0		
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	0		
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	0		
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	0		
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu, nhiệm vụ)	0		
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	0		

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM 2024

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 233 /QĐ-UBND ngày 18 tháng 01 năm 2024 của ủy ban nhân dân thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia				
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng			
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8=2+6+7
	TỔNG SỐ	1.554.272	194.238	3.110	1.360.034	191.128	63.237	2.851	260.326
1	Phường Nam Lý	31.525	6.091	534	25.434	5.557	4.041	-	10.132
2	Phường Bắc Lý	448.821	47.191	230	401.630	46.961	5.997	-	53.188
3	Phường Đồng Sơn	4.404	964	77	3.440	887	6.632	200	7.796
4	Phường Đồng Phú	170.594	18.165	490	152.429	17.675	1.772	300	20.237
5	Phường Hải Thành	18.412	2.465	200	15.947	2.265	4.506	200	7.171
6	Phường Phú Hải	458.130	41.136	40	416.994	41.096	3.919	300	45.355
7	Phường Đồng Hải	28.333	5.273	270	23.061	5.003	2.052	500	7.825
8	Xã Đức Ninh	62.945	19.309	120	43.636	19.189	5.339	500	25.148
9	Xã Nghĩa Ninh	9.052	3.009	70	6.044	2.939	4.882	100	7.991
10	Xã Lộc Ninh	12.955	4.730	384	8.225	4.346	5.214	-	9.944
11	Xã Thuận Đức	2.508	844	123	1.664	721	3.993	200	5.036
12	Xã Bảo Ninh	108.499	10.708	332	97.791	10.376	659	51	11.418

Handwritten signature

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu NSDP được hưởng theo phân cấp	Chia ra			Số bổ sung từ ngân sách cấp trên	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	Tổng chi cân đối NSDP
				Thu NSDP hưởng 100%	Thu phân chia				
					Tổng số	Trong đó: Phần NSDP được hưởng			
A	B	1	2=3+5	3	4	5	6	7	8=2+6+7
13	Xã Quang Phú	73.879	22.116	82	51.763	22.034	4.274	500	26.889
14	Phường Bắc Nghĩa	4.742	1.312	64	3.430	1.248	5.375	-	6.687
15	Phường Đức Ninh Đông	119.473	10.928	94	108.545	10.834	4.582	-	15.509

Chu

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC NĂM 2024(Phụ lục kèm theo Quyết định số 223 /QĐ-UBND ngày 18/01 /2024 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	Tổng chi ngân sách cấp huyện (A+B)	1.035.566.000
A	Chi cân đối ngân sách địa phương	1.035.566.000
I	Chi đầu tư phát triển	417.504.000
1	Chi đầu tư cho các dự án	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi quốc phòng	
1.3	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	
1.4	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.5	Chi văn hóa thông tin	
1.6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.7	Chi thể dục thể thao	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
1.11	Chi đầu tư khác	
2	Chi đầu tư phát triển khác	0
a	Ghi thu ghi chi chí phí đầu tư hạ tầng tạo quỹ đất	
b	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	599.772.000
1	Chi quốc phòng, an ninh	8.631.000
2	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	307.244.000
3	Chi sự nghiệp môi trường	6.577.000
4	Chi sự nghiệp y tế	30.563.000
5	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin, thể thao	14.032.000
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	0
7	Chi đảm bảo xã hội	41.164.000
8	Chi sự nghiệp kinh tế	118.898.000
9	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	58.974.000
10	Chi khác ngân sách	13.690.000
11	Kinh phí hỗ trợ XD nhà văn hóa (TP)	0
12	Tiết kiệm 10% chi thường xuyên để làm lương	0
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	0
IV	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	0
V	Dự phòng ngân sách	18.290.000
VI	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương, dự phòng các chế độ tăng thêm	0
B	<u>Các khoản chi theo mục tiêu</u>	
	- Học phí	
	-Thu phí và thu khác không cân đối	
	-Thu đóng góp	
	- Chi phí xây dựng hạ tầng tạo nguồn quỹ đất	
C	<u>Chi bổ sung cho ngân sách cấp xã</u>	<u>54.537.560</u>

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 233 /QĐ-UBND ngày 18/01 /2024 của UBND thành phố Đồng Hới)

Đơn vị: ngàn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	TỔNG SỐ	860.206.928	401.311.000	440.605.928	0	0	18.290.000	0	0	0	0	0
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	787.383.368	401.315.000	386.068.368	0	0	0	0	0	0	0	0
1	Ban chỉ huy quân sự	7.060.710		7.060.710								
2	Đồn biên phòng Nhật Lệ	120.000		120.000								
3	Công an TP	1.200.000		1.200.000								
4	Thành ủy Đồng Hới	17.030.699		17.030.699								
5	Ủy ban mặt trận tổ quốc VN thành phố	2.370.737		2.370.737								
6	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ	1.023.142		1.023.142								
7	Hội Nông Dân	1.103.122		1.103.122								
8	Hội Cựu Chiến Binh	464.432		464.432								
9	Thanh niên Đoàn	994.492		994.492								
	Hội người cao tuổi	270.400		270.400								
10	Hội người mù	297.379		297.379								
11	Hội chữ thập đỏ	366.242		366.242								
12	Hội nạn nhân chất độc da cam	133.200		133.200								
13	Hội khuyến học	431.760		431.760								
14	Hội đồng y	133.200		133.200								
15	Hội làm vườn	165.200		165.200								
16	Hội sinh vật cảnh	27.000		27.000								
17	Hội thanh niên xung phong	133.200		133.200								
18	Thanh tra thành phố	1.192.323		1.192.323								
19	Phòng nội vụ	1.752.174		1.752.174								
20	Phòng tư pháp	1.249.455		1.249.455								
21	Phòng TCKH	2.048.760		2.048.760								
22	Phòng Kinh tế	1.312.175		1.312.175								
23	Văn phòng HĐND-UBND	15.416.112		15.416.112								
24	Phòng LĐ-TB&XH	40.503.509		40.503.509								
25	Phòng Văn hóa thông tin	1.240.489		1.240.489								

Chu

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
26	Phòng tài nguyên môi trường	1.802.606		1.802.606								
27	Phòng Y tế	1.536.190		1.536.190								
28	Phòng Quản lý đô thị	1.256.416		1.256.416								
29	VP thường trực BCH phòng chống thiên tai	300.000		300.000								
30	TT văn hoá thông tin và thể thao	3.581.547		3.581.547								
31	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp	1.292.989		1.292.989								
32	BQL dự án ĐTXD và phát triển quỹ đất	200.000		200.000								
33	Đội quy tắc & TTĐT	4.316.495		4.316.495								
34	BQL dịch vụ công ích TP	5.887.196		5.887.196								
35	Chi cục thuế KV Đồng Hới -Quảng Ninh	170.000		170.000								
36	Thi hành án	120.000		120.000								
37	Hạt kiểm lâm ĐH	10.000		10.000								
38	Bệnh viện đa khoa	460.000		460.000								
39	Toà án	110.000		110.000								
40	Viện kiểm sát TP	110.000		110.000								
41	Chi cục thống kê TP	250.000		250.000								
42	NH Chính sách	4.000.000		4.000.000								
43	Liên đoàn LĐ TP	59.541		59.541								
44	TT bồi dưỡng chính trị	2.073.722		2.073.722								
45	Phòng giáo dục đào tạo	3.300.868		3.300.868								
46	Trung tâm giáo dục - dạy nghề	4.015.868		4.015.868								
47	Trường THCS số 2 Bắc Lý	3.504.170		3.504.170								
48	Trường THCS Lộc Ninh	5.100.539		5.100.539								
49	Trường TH-THCS Thuận Đức	5.582.016		5.582.016								
50	Trường THCS số 1 Đồng Sơn	5.789.769		5.789.769								
51	Trường THCS Bắc Nghĩa	4.953.877		4.953.877								
52	Trường THCS Đồng Hải	8.120.045		8.120.045								
53	Trường THCS số 1 Bắc Lý	5.742.414		5.742.414								
54	Trường THCS Đồng Phú	6.071.903		6.071.903								
55	Trường THCS Hải Thành	3.020.532		3.020.532								
56	Trường THCS số 1 Nam Lý	7.098.129		7.098.129								
57	Trường TH & THCS Quang Phú	5.095.215		5.095.215								
58	Trường THCS số 2 Nam Lý	4.249.401		4.249.401								
59	Trường THCS Đức Ninh Đông	3.645.127		3.645.127								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
60	Trường THCS Đức Ninh	4.180.811		4.180.811								
61	Trường THCS Bảo Ninh	4.572.527		4.572.527								
62	Trường TH-THCS Phú Hải	4.718.964		4.718.964								
63	Trường Tiểu học Đồng Phú	9.816.258		9.816.258								
64	Trường Tiểu học Đồng Mỹ	4.662.603		4.662.603								
65	Trường Tiểu học số 2 Bắc Lý	8.538.789		8.538.789								
66	Trường Tiểu học số 1 Nam Lý	7.536.507		7.536.507								
67	Trường Tiểu học số 1 Đồng Sơn	6.717.879		6.717.879								
68	Trường Tiểu học số 2 Đồng Sơn	4.725.067		4.725.067								
69	Trường Tiểu học số 1 Bảo Ninh	4.200.153		4.200.153								
70	Trường Tiểu học Lộc Ninh	8.247.967		8.247.967								
71	Trường Tiểu học Hải Đình	5.606.986		5.606.986								
72	Trường Tiểu học Đức Ninh	5.916.761		5.916.761								
73	Trường Tiểu học Đức Ninh Đông	4.732.926		4.732.926								
74	Trường Tiểu học số 3 Nam Lý	6.634.354		6.634.354								
75	Trường Tiểu học số 2 Nam Lý	4.261.245		4.261.245								
76	Trường Tiểu học Bắc Nghĩa	4.414.705		4.414.705								
77	Trường Tiểu học Nghĩa Ninh	3.614.357		3.614.357								
78	Trường Tiểu học số 1 Bắc Lý	4.783.283		4.783.283								
79	Trường Tiểu học Hải Thành	3.938.856		3.938.856								
80	Trường Tiểu học số 2 Bảo Ninh	3.644.925		3.644.925								
81	TT nuôi dạy trẻ khuyết tật	4.020.161		4.020.161								
82	Trường Mầm Non Bắc Lý	6.066.406		6.066.406								
83	Trường Mầm Non Hải Thành	3.628.344		3.628.344								
84	Trường Mầm Non Phú Hải	2.146.623		2.146.623								
85	Trường Mầm Non Đồng Phú	4.411.923		4.411.923								
86	Trường Mầm Non Bắc Nghĩa	5.564.331		5.564.331								
87	Trường Mầm Non Lộc Ninh	4.870.817		4.870.817								
88	Trường Mầm Non Quang Phú	2.525.943		2.525.943								
89	Trường Mầm Non Nam Lý	6.334.795		6.334.795								
90	Trường Mầm Non Đồng Sơn	3.780.822		3.780.822								
91	Trường Mầm Non Nghĩa Ninh	3.666.926		3.666.926								
92	Trường Mầm Non Hoa Hồng	6.346.583		6.346.583								
93	Trường Mầm Non Bảo Ninh	5.255.339		5.255.339								
94	Trường Mầm Non Thuận Đức	3.464.290		3.464.290								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
95	Trường Mầm Non Đức Ninh	3.818.923		3.818.923								
96	Trường Mầm Non Đức Ninh Đông	3.383.733		3.383.733								
97	Trung tâm học tập cộng đồng 15 xã, phường	450.000		450.000								
100	UBND Thành phố	310.939.000	310.939.000									
101	UBND Phường Đồng Hải	0	0									
102	UBND phường Nam Lý	375.000	375.000									
103	UBND phường Phú Hải	1.040.000	1.040.000									
104	UBND xã Đức Ninh	4.055.000	4.055.000									
105	UBND xã Lộc Ninh	4.800.000	4.800.000									
106	UBND xã Nghĩa Ninh	2.410.000	2.410.000									
107	UBND xã Quang Phú	3.565.000	3.565.000									
108	UBND xã Thuận Đức	549.000	549.000									
109	UBND xã Bảo Ninh	2.837.000	2.837.000									
110	UBND phường Đồng Phú	550.000	550.000									
111	UBND phường Bắc Lý	2.600.000	2.600.000									
112	UBND phường Đức Ninh Đông	1.483.000	1.483.000									
113	UBND phường Bắc Nghĩa	6.970.000	6.970.000									
114	UBND phường Hải Thành	2.130.000	2.130.000									
115	UBND phường Đồng Sơn	2.350.000	2.350.000									
116	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố	2.050.000	2.050.000									
117	Văn phòng HĐND-UBND thành phố	10.268.000	10.268.000									
118	Phòng kinh tế thành phố	460.000	460.000									
119	Trung tâm CVCX Đồng Hới	7.134.000	7.134.000									
120	Phòng Văn hóa thông tin Thành phố	0										
121	Phòng lao động & TB xã hội TP	0										
122	Phòng QLĐT thành phố	7.876.000	7.876.000									
123	Đội quy tắc & TT đô thị Thành Phố	0										
124	Ban Chỉ huy quân sự thành phố	16.660.000	16.660.000									
125	Chi cục thi hành án dân sự Thành Phố	594.000	594.000									
126	Trung tâm dịch vụ nông nghiệp TP	0										
127	Công an Thành phố Đồng Hới	9.620.000	9.620.000									
II	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	18.290.000					18.290.000					
III	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	0										
IV	CHI BỔ SUNG NGÂN SÁCH XÃ	54.537.560		54.537.560								

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi đầu tư phát triển (Không kể chương trình MTQG)	Chi thường xuyên (Không kể chương trình MTQG)	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay (1)	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính (1)	Chi dự phòng ngân sách	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	Chi chương trình MTQG			Chi chuyển nguồn sang ngân sách năm sau
									Tổng số	Chi đầu tư phát triển	Chi thường xuyên	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
V	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU	0										

Uhu

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Phụ lục kèm theo Quyết định số 233 /QĐ-UBND ngày 18/01 /2024 của UBND thành phố Đồng Hới)

ĐVT: triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chi khoa học và công nghệ	Chi quốc phòng	Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chi y tế, dân số và gia đình	Chi văn hóa thông tin	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chi thể dục thể thao	Chi bảo vệ môi trường	Chi các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chi bảo đảm xã hội	Chi thường xuyên khác
													Chi giao thông	Chi nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
	TỔNG SỐ	386.068.368	261.329.475	0	7.090.710	1.160.000	4.822.000	3.581.547	0	0	0	11.846.680	0	0	56.954.054	34.184.000	5.099.541
1	Ban chỉ huy quân sự	7.060.710			6.970.710										90.000		
2	Đồn biên phòng Nhật Lệ	120.000			120.000												
3	Công an TP	1.200.000				1.160.000									40.000		
4	Thành ủy Đồng Hới	17.030.699													17.030.699		
5	Ủy ban mặt trận tổ quốc VN thành phố	2.370.737													2.370.737		
6	Hội Liên Hiệp Phụ Nữ	1.023.142													1.023.142		
7	Hội Nông Dân	1.103.122													1.103.122		
8	Hội Cựu Chiến Binh	464.432													464.432		
9	Thành Đoàn	994.492													994.492		
10	Hội người cao tuổi	270.040													270.040		
11	Hội người mù	297.379													297.379		
12	Hội chữ thập đỏ	366.242													366.242		
13	Hội nạn nhân chất độc da cam	133.200													133.200		
14	Hội khuyến học	431.760	300.000												131.760		
15	Hội đồng y	133.200													133.200		
16	Hội làm vườn	165.200													165.200		
17	Hội sinh vật cảnh	27.000													27.000		
18	Hội thanh niên xung phong	133.200													133.200		
19	Thanh tra thành phố	1.192.323													1.192.323		
20	Phòng nội vụ	1.752.174													1.752.174		
21	Phòng tư pháp	1.249.455													1.249.455		
22	Phòng TCKH	2.048.760													2.048.760		
23	Phòng Kinh tế	1.312.175													1.312.175		
24	Văn phòng HĐND-UBND	15.416.112													15.416.112		
25	Phòng LĐ-TB&XH	40.503.509					4.822.000								1.497.509	34.184.000	

Chữ ký

[illegible]

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chỉ giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chỉ khoa học và công nghệ	Chỉ quốc phòng	Chỉ an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chỉ y tế, dân số và gia đình	Chỉ văn hóa thông tin	Chỉ phát thanh, truyền hình, thông tin	Chỉ thể dục thể thao	Chỉ bảo vệ môi trường	Chỉ các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chỉ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chỉ bảo đảm xã hội	Chỉ thường xuyên khác
													Chỉ giao thông	Chỉ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
55	Trường THCS Đồng Phú	6.071.903	6.071.903														
56	Trường THCS Hải Thành	3.020.532	3.020.532														
57	Trường THCS số 1 Nam Lý	7.098.129	7.098.129														
58	Trường TH & THCS Quang Phú	5.095.215	5.095.215														
59	Trường THCS số 2 Nam Lý	4.249.401	4.249.401														
60	Trường THCS Đức Ninh Đông	3.645.127	3.645.127														
61	Trường THCS Đức Ninh	4.180.811	4.180.811														
62	Trường THCS Bảo Ninh	4.572.527	4.572.527														
63	Trường TH-THCS Phú Hải	4.718.964	4.718.964														
64	Trường Tiểu học Đồng Phú	9.816.258	9.816.258														
65	Trường Tiểu học Đồng Mỹ	4.662.603	4.662.603														
66	Trường Tiểu học số 2 Bắc Lý	8.538.789	8.538.789														
67	Trường Tiểu học số 1 Nam Lý	7.536.507	7.536.507														
68	Trường Tiểu học số 1 Đồng Sơn	6.717.879	6.717.879														
69	Trường Tiểu học số 2 Đồng Sơn	4.725.067	4.725.067														
70	Trường Tiểu học số 1 Bảo Ninh	4.200.153	4.200.153														
71	Trường Tiểu học Lộc Ninh	8.247.967	8.247.967														
72	Trường Tiểu học Hải Định	5.606.986	5.606.986														
73	Trường Tiểu học Đức Ninh	5.916.761	5.916.761														
74	Trường Tiểu học Đức Ninh Đông	4.732.926	4.732.926														
75	Trường Tiểu học số 3 Nam Lý	6.634.354	6.634.354														
76	Trường Tiểu học số 2 Nam Lý	4.261.245	4.261.245														
77	Trường Tiểu học Bắc Nghĩa	4.414.705	4.414.705														
78	Trường Tiểu học Nghĩa Ninh	3.614.357	3.614.357														
79	Trường Tiểu học số 1 Bắc Lý	4.783.283	4.783.283														
80	Trường Tiểu học Hải Thành	3.938.856	3.938.856														
81	Trường Tiểu học số 2 Bảo Ninh	3.644.925	3.644.925														
82	TT nuôi dạy trẻ khuyết tật	4.020.161	4.020.161														
83	Trường Mầm Non Bắc Lý	6.066.406	6.066.406														
84	Trường Mầm Non Hải Thành	3.628.344	3.628.344														
85	Trường Mầm Non Phú Hải	2.146.623	2.146.623														
86	Trường Mầm Non Đồng Phú	4.411.923	4.411.923														

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Chỉ giáo dục - đào tạo và dạy nghề	Chỉ khoa học và công nghệ	Chỉ quốc phòng	Chỉ an ninh và trật tự an toàn xã hội	Chỉ y tế, dân số và gia đình	Chỉ văn hóa thông tin	Chỉ phát thanh, truyền hình, thông tấn	Chỉ thể dục thể thao	Chỉ bảo vệ môi trường	Chỉ các hoạt động kinh tế	Trong đó		Chỉ hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	Chỉ bảo đảm xã hội	Chỉ thường xuyên khác
													Chỉ giao thông	Chỉ nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi, thủy sản			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16
87	Trường Mầm Non Bắc Nghĩa	5.564.331	5.564.331														
88	Trường Mầm Non Lộc Ninh	4.870.817	4.870.817														
89	Trường Mầm Non Quang Phú	2.525.943	2.525.943														
90	Trường Mầm Non Nam Lý	6.334.795	6.334.795														
91	Trường Mầm Non Đồng Sơn	3.780.822	3.780.822														
92	Trường Mầm Non Nghĩa Ninh	3.666.926	3.666.926														
93	Trường Mầm Non Hoa Hồng	6.346.583	6.346.583														
94	Trường Mầm Non Bảo Ninh	5.255.339	5.255.339														
95	Trường Mầm Non Thuận Đức	3.464.290	3.464.290														
96	Trường Mầm Non Đức Ninh	3.818.923	3.818.923														
97	Trường Mầm Non Đức Ninh Đông	3.383.733	3.383.733														
98	Trung tâm học tập cộng đồng 15 xã, huyện	450.000	450.000														

PHỤ LỤC

BỐ TRÍ KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 - CÁC DỰ ÁN XÂY DỰNG HOÀN THÀNH - CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Quyết định số 253/QĐ-UBND ngày 18/01/2024 của UBND Thành phố Đồng Hới)

DVT: triệu đồng

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
	TỔNG CỘNG (A+B):			-	1.300.965	1.300.965	370.717	24.000	346.717	-	401.311	
A	Nguồn vốn tập trung:			-	48.700	48.700	27.632	-	27.632	-	20.464	
	Các dự án hoàn thành:											
1	Xây dựng hệ thống thoát nước khu dân cư Phú Xá - Hữu Cung xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2022-2024	QĐ 1528/QĐ-UBND ngày 29/4/2022	7.500	7.500	6.060	-	6.060	-	1.440	UBND thành phố
2	Điện chiếu sáng đường Nam Lý - Trung Trương	phường Bắc Nghĩa, Thuận Đức	2022-2024	QĐ số 3026/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	5.500	5.500	2.250	-	2.250	-	3.250	UBND thành phố
3	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Văn Cừ	phường Nam Lý, Đức Ninh Đông	2022-2024	QĐ số 2568/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	3.000	3.000	1.250	-	1.250	-	1.750	UBND thành phố
4	Mua sắm trang thiết bị dạy và học ở đây phòng học 4 tầng 12 phòng và 01 phòng thư viện trường THCS số 1 Nam lý	phường Nam Lý	2022-2024	QĐ 3726/QĐ-UBND ngày 15/8/2022	2.000	2.000	850	-	850	-	1.150	UBND thành phố
5	Tuyến đường nối Phan đình Phùng đi khu vực Trường MN khu CN Tây Bắc, phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2022-2024	QĐ 1992/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	2.500	2.500	2.050	-	2.050	-	450	UBND thành phố
6	Điện chiếu sáng bằng đèn Led và cấp nước khu HTKT thôn Sa Động	xã Bảo Ninh	2022-2024	QĐ số 2566/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	1.500	1.500	975	-	975	-	525	UBND thành phố
7	Pano LED tuyên truyền chính trị đường Văn Cao phường Đồng Phú	phường Đồng Phú	2022-2024	QĐ số 4419/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	2.500	2.500	1.351	-	1.351	-	1.150	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
8	Bãi đỗ xe và vỉa hè đường Trần Quang Khải (đoạn từ đường Nguyễn Văn Linh đến đường Hữu Nghị)	phường Đồng Phú	2022-2024	QĐ số 2200/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	6.000	6.000	4.000	-	4.000		2.000	UBND thành phố
9	Hệ thống thoát nước chống ngập khu dân cư TDP 9 phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2022-2024	QĐ số 720/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	9.000	9.000	4.500		4.500		4.500	UBND thành phố
10	Hội trường huấn luyện dân quân tự vệ	xã Quang Phú	2022-2024	QĐ số 369/QĐ-UBND ngày 28/01/2022	4.000	4.000	2.400	-	2.400	-	1.600	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố
11	Xây dựng kho vật chứng Chi cục thi hành án dân sự	phường Nam Lý	2022-2024	QĐ số 5286/QĐ-UBND ngày 02/11/2022	1.200	1.200	606		606		594	Chi cục thi hành án dân sự TP Đồng Hới
12	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Thuận Phong, xã Thuận Đức	xã Thuận Đức	2022-2024	QĐ 1603/QĐ-UBND ngày 05/5/2022	4.000	4.000	1.340		1.340		2.056	Phòng QLĐT thành phố
B	NGUỒN VỐN QUỸ ĐẤT (I+II):			-	1.252.265	1.252.265	343.085	24.000	319.085	-	380.847	
I	Các dự án hoàn thành:			-	355.778	355.778	171.422	24.000	147.422	-	145.290	
1	Đường Phan Huy Chú (đoạn qua chi cục đo lường)	phường Đồng Phú, Hải Thành	2020-2024	QĐ 1237/QĐ-UBND ngày 16/3/2021	15.000	15.000	13.000		13.000		2.000	UBND thành phố
2	Nâng cấp chính trang đô thị đoạn tuyến QL1 thành phố Đồng Hới	thành phố Đồng Hới	2022-2024	QĐ số 1972/QĐ-UBND ngày 19/7/2022 (tính)	36.000	36.000	29.750	24.000	5.750		10.250	UBND thành phố
3	Nâng cấp đường nối đường Hữu Nghị với đường Nguyễn Văn Linh và đường KDC phía nam thư viện tỉnh	phường Nam Lý	2022-2024	QĐ 2407/QĐ-UBND ngày 07/6/2022	12.000	12.000	5.400		5.400		6.600	UBND thành phố
4	Trồng cây xanh đường 36m (đoạn từ đường tránh thành phố đến đường Hồ Chí Minh	xã Đức Ninh-Nghĩa Ninh	2022-2024	QĐ 3153/QĐ-UBND ngày 12/7/2022	11.000	11.000	6.529		6.529		4.471	UBND thành phố
5	Đầu tư xây dựng đường nối từ đường Hồ Chí Minh vào làng nghề Thuận Đức	xã Thuận Đức	2022-2024	QĐ 3882/QĐ-UBND ngày 24/8/2022	9.800	9.800	4.030		4.030		5.770	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lấy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
6	Đầu tư xây dựng Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Hồ Chí Minh nhánh Đông (đoạn nút giao đường 36m đến nút giao đến đường Lý Thái Tổ)	xã Nghĩa Ninh, Phường Đồng Sơn	2022-2024	QĐ số 2598/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	9.000	9.000	3.670		3.670		5.330	UBND thành phố
7	Đầu tư xây dựng Đường và vỉa hè xung quanh trụ sở UBND phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2022-2024	QĐ số 5188/QĐ-UB ngày 01/11/2022	9.000	9.000	3.670		3.670		5.330	UBND thành phố
8	Nâng cấp đường và cầu đường Phan Đăng Lưu, phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2022-2024	QĐ 5563/QĐ-UBND ngày 14/11/2022	8.500	8.500	2.240		2.240		6.260	UBND thành phố
9	Cải tạo nâng cấp kênh và hồ Bầu Dưới, xã Quang Phú	xã Quang Phú	2022-2024	QĐ 3019/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	8.000	8.000	6.270		6.270		1.730	UBND thành phố
10	Xây dựng vỉa hè, bãi đỗ xe đường Lý Nam Đế và đường Nguyễn Trường Tộ phường Đồng Phú	phường Đồng Phú	2022-2024	QĐ 3501/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	8.200	8.200	3.310		3.310		4.890	UBND thành phố
11	Xây dựng dãy nhà 2 tầng, sân hoạt động ngoài trời, nhà xe và hàng rào trường TH&THCS Thuận Đức- (điểm trường TH)	xã Thuận Đức	2022-2024	QĐ 3017/QĐ-UBND ngày 05/7/2022	6.000	6.000	2.450		2.450		3.550	UBND thành phố
12	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Thị Định (đoạn từ Thôn Mỹ Cảnh đến cầu Nhật lệ 2) và khu HTKT Mỹ Cảnh	xã Bảo Ninh	2022-2024	QĐ 3502/QĐ-UBND ngày 29/7/2022	5.000	5.000	2.750		2.750		2.250	UBND thành phố
13	Trang trí đèn led công viên khu vực Quảng Bình Quan	phường Đồng Hải	2022-2024	QĐ số 6145/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	5.000	5.000	2.050		2.050		2.950	UBND thành phố
14	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Lê Văn Tri, đường sắt trường tiểu học số 2 Bắc Lý, đường Nguyễn Dựng, Hàn Thuyên, Tô Vĩnh Diện phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2022-2024	QĐ số 2597/QĐ-UBND ngày 16/6/2022	4.000	4.000	1.650		1.650		2.350	UBND thành phố
15	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường dạo dọc sông Cầu Rào (đoạn từ đường 23/8 đến đường Trần Hưng Đạo)	phường Nam Lý, Đức Ninh Đông	2022-2024	QĐ số 3762/QĐ-UBND ngày 16/8/2022	3.000	3.000	1.250		1.250		1.750	UBND thành phố
16	Cải tạo, nâng cấp và mua sắm trang thiết bị dãy phòng học 03 tầng Trung tâm nuôi dạy trẻ khuyết tật thành phố Đồng Hới	phường Đức Ninh Đông	2022-2024	QĐ 2964/QĐ-UBND ngày 01/7/2022	3.000	3.000	1.250		1.250		1.750	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
17	Xây dựng 01 phòng học, 02 phòng chức năng và thiết bị trường mầm non Nam Lý (điểm Nam Trần Hưng Đạo)	phường Nam Lý	2022-2024	QĐ 3001/QĐ-UBND ngày 05/7/2022	4.500	4.500	1.850		1.850		2.650	UBND thành phố
18	Nâng cấp sửa chữa đường Trịnh Hoài Đức, đường Thái Phiên Phường Nam Lý	phường Nam Lý	2022-2024	QĐ số 5397/QĐ-UB 07/11/2022	6.000	6.000	2.450		2.450		3.550	UBND thành phố
19	Xây dựng bãi đỗ xe, vỉa hè, hàng rào và hệ thống thoát nước khu vực chợ Nam Lý	phường Nam Lý	2022-2024	QĐ số 4419/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	4.000	4.000	1.670		1.670		2.330	UBND thành phố
	CÁC ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ						-		-		-	
20	Nhà kho trụ sở Công an thành phố	phường Đồng Phú	2022-2024	QĐ 1662/QĐ-UBND ngày 09/5/2022	1.800	1.800	1.000		1.000		800	Công an TP Đồng Hới
21	Xây dựng trụ sở công an xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2022-2024	QĐ 4111/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	6.000	6.000	1.890		1.890		4.110	Công an TP Đồng Hới
22	Quy hoạch chi tiết các xã Lộc Ninh, Nghĩa Ninh, Thuận Đức, Quang Phú, phường Đức Ninh Đông và phường Bắc Nghĩa	Các xã, phường	2022-2024	Quyết định số 4775/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 của UBND tỉnh Quảng Bình	16.078	16.078	11.800		11.800		4.278	Phòng QLĐT thành phố
23	Cắm mốc giới điều chỉnh quy hoạch chi tiết phường Hải Thành tỷ lệ 1/500	phường Hải Thành	2022-2024	QĐ 2001/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	2.700	2.700	2.650		2.650		50	Phòng QLĐT thành phố
24	Hệ thống thoát nước khu dân cư thôn Thuận Phong, xã Thuận Đức	xã Thuận Đức	2022-2024	QĐ 1603/QĐ-UBND ngày 05/5/2022							604	Phòng QLĐT thành phố
25	Xây dựng cơ sở dữ liệu hạ tầng kỹ thuật dịch vụ công ích thành phố	thành phố Đồng Hới	2022-2024	QĐ 4967/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	3.500	3.500	1.450		1.450		2.050	Ban quản lý dịch vụ công ích thành phố
26	Nâng cấp, cải tạo cây xanh, thảm hoa Quảng Bình Quan, đường QL 1A, đường vào sân bay Đồng Hới và công viên phía nam cầu Cổng Mười	thành phố Đồng Hới	2022-2024	QĐ số 1755/QĐ-UBND ngày 11/5/2022	9.000	9.000	7.540		7.540		1.460	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới
27	Công viên khu dân cư phía tây đường Hữu Nghị và nâng cấp cải tạo công viên quanh hồ Nam Lý, công viên cận chùa Đại Giác	phường Bắc Lý, Nam Lý, ĐN Đông	2022-2024	QĐ số 1754/QĐ-UBND ngày 11/5/2022	9.000	9.000	7.086		7.086		1.914	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phân vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
28	Nâng cấp đường giao thông và hệ thống thoát nước thôn Hà Thôn xã Bảo Ninh	xã Bảo Ninh	2022-2024	QĐ số 1951/QĐ-UBND ngày 20/5/2022	3.500	3.500	1.000		1.000		700	UBND xã Bảo Ninh
29	Sửa chữa, cải tạo khuôn viên trường THCS Bảo Ninh	xã Bảo Ninh	2022-2024	QĐ số 5172/QĐ-UBND ngày 31/10/2022	3.000	3.000	900		900		600	UBND xã Bảo Ninh
30	Nâng cấp đường giao thông và kè chống sạt lở thôn Trung Bình, xã Bảo Ninh	xã Bảo Ninh	2022-2024	QĐ số 1989/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	3.000	3.000	700		700		1.100	UBND xã Bảo Ninh
31	Xây dựng hệ thống thoát nước và rải thảm tuyến đường Phạm Thị Nghè xã Quang Phú	xã Quang Phú	2022-2024	QĐ 4192/QĐ-UBND ngày 09/9/2022	2.500	2.500	850		850		650	UBND xã Quang Phú
32	Xây dựng đầy phòng học chức năng và phòng bộ môn Trường TH Quang Phú	xã Quang Phú	2022-2024	QĐ 2553/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	5.500	5.500	2.085		2.085		915	UBND xã Quang Phú
33	Xây dựng kè chống sạt lở, thoát lũ phía Đông Cầu Ngần phường Phú Hải	phường Phú Hải	2022-2024	QĐ 3881/QĐ-UBND ngày 23/8/2022	4.000	4.000	760		760		1.040	UBND phường Phú Hải
34	Xây dựng phòng hiệu bộ và phòng chức năng Trường Mầm non Bắc Lý (cơ sở 2)	phường Bắc Lý	2022-2024	QĐ 1543/QĐ-UBND ngày 04/5/2022	2.300	2.300	700		700		680	UBND phường Bắc Lý
35	Nâng cấp mở rộng tuyến đường TDP 1, 6 ,8 phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2022-2024	QĐ số 3672/QĐ-UBND ngày 11/8/2022	5.000	5.000	900		900		1.600	UBND phường Bắc Lý
36	Đường giao thông và hệ thống thoát nước TDP 4 phường Hải Thành	phường Hải Thành	2022-2024	QĐ 3671/QĐ-UB 11/8/2022	2.500	2.500	850		850		550	UBND phường Hải Thành
37	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường và mương thoát nước TDP 7 phường Hải Thành	phường Hải Thành	2022-2024	QĐ 3598/QĐ-UBND ngày 08/8/2022	3.500	3.500	920		920		1.180	UBND phường Hải Thành
38	Xây dựng 2 tầng 2 phòng, cải tạo sân vườn, phòng bảo vệ, hàng rào và hệ thống thoát nước Trường NM Bắc Nghĩa (cụm Mỹ Cương)	phường Bắc Nghĩa	2022-2024	QĐ số 4331/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	5.300	5.300	1.100		1.100		1.900	UBND phường Bắc Nghĩa
39	Xây dựng thư viện, bếp ăn, các phòng chức năng và cải tạo tu sửa cơ sở vật chất dãy nhà B Trường TH Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2022-2024	QĐ số 4846/QĐ-UBND ngày 11/10/2022	7.500	7.500	1.210		1.210		2.540	UBND phường Bắc Nghĩa

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
40	Các tuyến đường nội vùng thôn Thuận Phong, Thuận Phước, Thuận Hòa xã Thuận Đức	xã Thuận Đức	2022-2024	QĐ số 4756/QĐ-UBND ngày 05/10/2022	2.000	2.000	651		651		549	UBND xã Thuận Đức
41	Xây dựng kè, tràn hạ lưu dẫn nước hồ Bàu Nìn xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2022-2024	QĐ số 4950/QĐ-UBND ngày 19/10/2022	5.000	5.000	950		950		1.050	UBND xã Lộc Ninh
42	Xây dựng hệ thống rãnh thoát nước khu vực Phú Xá, xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2022-2024	QĐ số 1990/QĐ-UBND ngày 24/5/2022	2.000	2.000	700		700		500	UBND xã Lộc Ninh
43	Kênh mương nội đồng Hữu Cung - Phú Xá xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2022-2024	QĐ số 4329/QĐ-UBND ngày 15/9/2022	2.400	2.400	660		660		1.140	UBND xã Lộc Ninh
44	Xây dựng kè đê sông Phú Vinh đoạn qua thôn Đức Thị và thôn Đức Giang, Đức Môn xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2024	QĐ số 3311/QĐ-UBND ngày 21/7/2022	9.000	9.000	1.000		1.000		2.000	UBND xã Đức Ninh
45	Đầu tư xây dựng tuyến kênh mương giữa Đức Thị, Đức Giang, xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2024	QĐ số 994/QĐ-UBND ngày 01/4/2022	2.000	2.000	600		600		400	UBND xã Đức Ninh
46	Via hè, cây xanh đường Lê Lợi (đoạn từ cổng 10 đến đường Đoàn Hữu Trưng), phường Đức Ninh Đông	phường Đức Ninh Đông	2022-2024	QĐ số 1463/QĐ-UBND ngày 27/4/2022	5.200	5.200	917		917		1.483	UBND phường Đức Ninh Đông
47	Nâng cấp đường Trường Chinh phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2022-2024	QĐ số 6479/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	11.000	11.000	3.800		3.800		7.200	UBND thành phố
48	Điện chiếu sáng bằng đèn led các trục đường trong cụm công nghiệp phường Bắc Nghĩa và đường từ cầu Phú Vinh 2 đến đường tránh	phường Bắc Nghĩa	2022-2024	QĐ số 6584/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	8.500	8.500	5.000		5.000		3.500	UBND thành phố
49	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 6 phòng và hàng rào trường Tiểu học số 1 Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2022-2024	QĐ số 1743/QĐ-UBND ngày 04/5/2023	11.000	11.000	4.400		4.400		6.600	UBND thành phố
50	Xây dựng hệ thống PCCC một số trường học trên địa bàn thành phố Đồng Hới	TP Đồng Hới	2022-2024	QĐ số 4226/QĐ-UBND ngày 28/9/2023	9.500	9.500	2.300		2.300		7.200	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
51	Xây dựng phòng học bộ môn, phòng hiệu bộ, phòng thư viện và nhà vệ sinh trường tiểu học số 2 Bắc Lý	phường Bắc Lý	2022-2024	QĐ số 1270/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	7.500	7.500	3.250		3.250		4.250	UBND thành phố
52	Nâng điện chiếu sáng bằng đèn Led một số tuyến đường trên địa bàn phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2022-2024	QĐ số 53/QĐ-UBND ngày 09/01/2023	9.500	9.500	5.000		5.000		4.500	UBND thành phố
53	Nâng cấp các tuyến đường thôn Sa Động, xã Bảo Ninh	xã Bảo Ninh	2022-2024	Quyết định 6021/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	8.500	8.500	1.563		1.563		437	UBND xã Bảo Ninh
B	CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP:			-	896.487	896.487	171.663	-	171.663	-	235.557	
1	Nâng cấp đường Nguyễn Văn Cừ	phường Nam Lý	2022-2025	QĐ số 4867/QĐ-UBND ngày 13/10/2022	35.000	35.000	1.190		1.190		12.090	UBND thành phố
2	Nâng cấp đường Cao Thắng, xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2022-2025	QĐ số 6327/QĐ-UBND ngày 23/12/2022	40.000	40.000	8.450		8.450		11.707	UBND thành phố
3	Nâng cấp, sửa chữa đường và vỉa hè đường Hoàng Sâm, Nguyễn Hữu Dật, Trần Quang Diệu, Tôn Thất Tùng	phường Bắc Lý, Nam Lý	2022-2025	QĐ số 4640/QĐ-UBND ngày 29/9/2022	29.000	29.000	2.600		2.600		12.000	UBND thành phố
4	Trang trí đèn LED khu vực dọc Hồ Thành, thành phố Đồng Hới	phường Đồng Phú, Đồng Hải	2022-2025	QĐ số 6144/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	27.000	27.000	11.529		11.529		7.426	UBND thành phố
5	Nâng cấp cải tạo công viên trung tâm phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2022-2025	QĐ số 3350/QĐ-UBND ngày 07/8/2023	20.000	20.000	4.150		4.150		5.000	UBND thành phố
6	Xây dựng Trung tâm văn hóa thể thao thành phố Đồng Hới	phường Đức Ninh Đông	2022-2025	QĐ số 3796/QĐ-UBND ngày 24/8/2023	170.000	170.000	26.232		26.232		31.210	UBND thành phố
7	Cải tạo, nâng cấp Chợ cá Đồng Hới	phường Đồng Hải	2022-2025	QĐ số 5080/QĐ-UBND ngày 26/10/2022	25.000	25.000	7.193		7.193		10.684	UBND thành phố



TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
8	Nâng cấp đường Phan Đình Giót, Trần Nguyên Hân và Đại Phong phường Đồng Phú	phường Đồng Phú	2022-2025	QĐ số 5620/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	7.100		7.100		7.740	UBND thành phố
9	Điện chiếu sáng bằng đèn Led cụm TTCN Thuận Đức	xã Thuận Đức	2022-2025	QĐ số 2567/QĐ-UBND ngày 15/6/2022	12.000	12.000	4.700		4.700		4.380	UBND thành phố
10	Mương thoát chống ngập úng đồng xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2025	QĐ 2002/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	14.900	14.900	5.780		5.780		5.472	UBND thành phố
11	Nạo vét xây kè chống xói lở hệ thống kênh thoát lũ từ cầu Mẹ Sỏi qua cầu Rầy Cau	phường Đồng Sơn, Nghĩa Ninh	2022-2025	QĐ 3028/QĐ-UBND ngày 06/7/2022	14.900	14.900	5.080		5.080		5.892	UBND thành phố
12	Hệ thống thoát nước thôn Thuận Hà xã Thuận Đức và TDP 11 phường Đồng Sơn thành phố Đồng Hới	xã Thuận Đức, phường Đồng Sơn	2022-2025	QĐ 2548/QĐ-UBND ngày 14/6/2022	14.000	14.000	5.400		5.400		5.160	UBND thành phố
13	Nâng cấp đường Võ Thị Sáu, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2022-2025	QĐ 3274/QĐ-UBND ngày 15/7/2022	12.000	12.000	3.526		3.526		5.084	UBND thành phố
14	Nâng cấp các tuyến đường thuộc TDP Đồng Mỹ, TDP Phú Mỹ, TDP Thành Mỹ phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2022-2025	QĐ số 2688/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	24.000	24.000	6.844		6.844		9.015	UBND thành phố
15	Nâng cấp các tuyến đường thuộc TDP Đồng Tâm, TDP Đồng Đình phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2022-2025	QĐ số 6574/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	14.500	14.500	5.400		5.400		4.368	UBND thành phố
16	Nâng cấp đường Trần Nhật Duật xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2022-2025	QĐ số 2574/QĐ-UBND ngày 26/6/2023	25.000	25.000	5.500		5.500		8.920	UBND thành phố
17	Nhà lớp học 2 tầng 4, khối hành chính quản trị, sân, hàng rào Trường mầm non Phú Hải	phường Phú Hải	2022-2025	QĐ số 1861/QĐ-UBND ngày 10/5/2023	14.900	14.900	5.900		5.900		4.320	UBND thành phố
18	Điện chiếu sáng bằng đèn Led các trục đường khu dân cư Tây Hữu Nghị, phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025	QĐ số 3206/QĐ-UBND ngày 27/7/2023	7.800	7.800	258		258		1.120	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
19	Triển khai đồng bộ hạ tầng CNTT và dịch vụ đô thị thông minh thành phố Đồng Hới	phường Đức Ninh Đông	2023-2025	QĐ số 4264/QĐ-UBND ngày 29/9/2023	39.670	39.670	14.000		14.000		10.268	Văn phòng HĐND - UBND thành phố
20	Cụm công nghiệp Lộc Ninh (giai đoạn 2)	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 5160/QĐ-UBND ngày 14/11/2023	35.000	35.000	924		924		3.000	UBND thành phố
21	Trang trí điện dọc sông Nhật Lệ, thành phố Đồng Hới	phường Đồng Hải	2023-2025	QĐ số 5372/QĐ-UBND ngày 28/11/2023	-		1.250		1.250		3.000	UBND thành phố
22	Nâng cấp các trục đường Đặng Văn Ngữ, đường Nguyễn Cư Trinh, đường Võ Duy Dương và đường Phong Nha, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 4092/QĐ-UBND ngày 15/09/2023	11.000	11.000	406		406		1.255	UBND thành phố
23	Đầu tư xây dựng Đường nối từ đường Bàu Tró đến đường Long Đại	phường Hải Thành	2023-2025	QĐ số 3920/QĐ-UBND ngày 08/09/2023	14.900	14.900	488		488		1.699	UBND thành phố
24	Xây dựng khối phòng nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục và trẻ em, nhà hiệu bộ, bếp, sân và hệ thống thoát nước Trường mầm non Bắc Nghĩa (Cụm trung tâm)	phường Bắc Nghĩa	2023-2025	QĐ số 3261/QĐ-UBND ngày 31/7/2023	13.000	13.000	558		558		2.707	UBND thành phố
25	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Võ Nguyên Giáp (Đoạn từ cầu Nhật Lệ 1 đến cầu Nhật Lệ 2)	xã Bảo Ninh	2023-2025	QĐ số 3635/QĐ-UBND ngày 18/8/2023	8.000	8.000	280		280		912	UBND thành phố
26	Xây dựng nhà lớp học 2 tầng 4 phòng bộ môn và nhà vệ sinh Trường TH số 1 Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 4704/QĐ-UBND ngày 24/10/2023	6.000	6.000	239		239		668	UBND thành phố
27	Xây dựng nhà vệ sinh và cải tạo dãy nhà lớp học 2 tầng 8 phòng, dãy nhà 2 tầng 6 phòng và nhà bếp Trường TH số 1 Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025	QĐ số 2198/QĐ-UBND ngày 31/5/2023	3.200	3.200	500		500		764	UBND thành phố
28	Xây dựng 02 phòng học, 02 phòng bộ môn Trường TH số 2 Bảo Ninh	xã Bảo Ninh	2023-2025	QĐ số 3901/QĐ-UBND ngày 06/9/2023	4.500	4.500	334		334		451	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
29	Nâng cấp sân, hệ thống thoát nước Trường tiểu học số 2 Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025	QĐ số 2174/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	2.000	2.000	350		350		376	UBND thành phố
30	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nam Cao, Lê Chân Trần Nguyên Đán, Khúc Hạo, Ý Lan, Trương Phúc Phần	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 2670/QĐ-UBND ngày 29/6/2023	5.000	5.000	197		197		510	UBND thành phố
31	Xây dựng hệ thống thoát nước khu vực Bàu Đình xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 5100/QĐ-UBND ngày 13/11/2023	8.000	8.000	280		280		912	UBND thành phố
32	Nâng cấp tuyến đường Lê Trọng Tấn phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2025	QĐ số 2882/QĐ-UBND ngày 11/7/2023	4.000	4.000	550		550		412	UBND thành phố
33	Nâng cấp tuyến điện chiếu sáng bằng đèn led đường Trương Pháp (đoạn từ chợ Quang Phú đến nhà khách phụ nữ)	xã Quang Phú	2023-2025	QĐ số 3086/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	1.500	1.500	40		40		885	UBND thành phố
34	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Đoàn Thị Điểm, Lê Duẩn, phường Đồng Hải	phường Đồng Hải	2023-2024	QĐ số 2635/QĐ-UBND ngày 28/6/2023	900	900	50		50		850	UBND thành phố
35	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Hữu Dật và đường Vũ Trọng Phụng, Trần Quang Diệu	phường Bắc Lý, Nam Lý	2023-2024	QĐ số 2810/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	1.150	1.150	67		67		1.083	UBND thành phố
36	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Trần Cao Vân, Đặng Thai Mai, Lương Văn Can, Ngô Thì Nhậm	phường Đồng Sơn	2023-2025	QĐ số 2770/QĐ-UBND ngày 5/7/2023	2.500	2.500	117		117		435	UBND thành phố
37	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Phong Nha và đường Đặng Văn Ngữ, Nguyễn Cư Trinh, Võ Duy Dương phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 2682/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	2.500	2.500	129		129		435	UBND thành phố
38	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Trung Thuần, Hưng Ninh, Phạm Văn Hai, Đào Duy Anh	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 2911/QĐ-UBND ngày 14/7/2023	3.000	3.000	135		135		602	UBND thành phố

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
39	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Cao Văn Lầu, Lê Văn Sỹ, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 1806/QĐ-UBND ngày 9/5/2023	1.700	1.700	103		103		569	UBND thành phố
40	Nâng cấp điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Thiện Thuật, Bế Văn Đàn, Phạm Xuân Ẩn, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 2685/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	1.300	1.300	77		77		437	UBND thành phố
41	Điện chiếu sáng bằng đèn Led đường Nguyễn Đăng Tuấn, Nguyễn Công Trứ, phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 2684/QĐ-UBND ngày 30/6/2023	1.700	1.700	97		97		575	UBND thành phố
42	Cây xanh và điện chiếu sáng đường nối đường Trần Quang Khải đến đường Phong Nha	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 5175/QĐ-UBND ngày 16/11/2023	2.500	2.500	69		69		588	UBND thành phố
CÁC ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ			0									
43	Cải tạo trụ sở Công an phường Hải Thành	phường Hải Thành	2023-2024	QĐ số 2821/QĐ-UBND ngày 07/7/2023	700	700	400		400		300	Công an TP Đồng Hới
44	Cải tạo trụ sở Công an phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2024	QĐ số 1233/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	700	700	400		400		300	Công an TP Đồng Hới
45	Trồng cây xanh đường phố Đồng Hới năm 2023, nâng cấp cải tạo các khuôn viên trên địa bàn thành phố	thành phố Đồng Hới	2023-2025	QĐ số 1247/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	9.500	9.500	774		774		1.275	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới
46	Trồng cây xanh dây phân cách đường Trương Pháp, đường 36m (từ đường Lê Lợi đến sông Lê Kỳ), đường Mỹ Cảnh và công viên Đồng đường Phùng Hưng	thành phố Đồng Hới	2023-2025	QĐ số 1246/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	9.500	9.500	797		797		1.104	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới
47	Nâng cấp cải tạo công viên phía tây đường Nguyễn Hữu Thọ, công viên Bắc Trần Quang Khải, công viên Sa Động	thành phố Đồng Hới	2023-2025	QĐ số 1584/QĐ-UBND ngày 25/4/2023	8.000	8.000	879		879		1.381	Trung tâm công viên cây xanh Đồng Hới

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
48	Sửa chữa nâng cấp đường Nguyễn Quốc Trinh xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 4070/QĐ-UBND ngày 14/9/2023	3.900	3.900	550		550		396	Phòng QLĐT thành phố
49	Nâng cấp sửa chữa đường Nguyễn Đăng Tuấn phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 2115/QĐ-UBND ngày 25/5/2023	4.500	4.500	764		764		492	Phòng QLĐT thành phố
50	Đường giao thông nội đồng đội Đồng Mẫu, Hới Dầu, Cây Đa xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025	QĐ số 717/QĐ-UBND ngày 07/3/2023	2.500	2.500	650		650		460	Phòng kinh tế thành phố
51	Cải tạo mở rộng trụ sở công an phường Nam Lý	phường Nam Lý	2023-2025	QĐ số 3085/QĐ-UBND ngày 25/7/2023	2.000	2.000	250		250		375	UBND phường Nam Lý
52	Xây dựng mương thoát nước TDP 7 và TDP 8 Phường Đồng Sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025	QĐ số 2235/QĐ-UBND ngày 02/6/2023	3.500	3.500	300		300		850	UBND phường Đồng Sơn
53	Các tuyến đường giao thuộc TDP 9 và TDP 11 phường Đồng sơn	phường Đồng Sơn	2023-2025	QĐ số 4132/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	2.000	2.000	300		300		600	UBND phường Đồng Sơn
54	Đường giao thông nội vùng tổ dân phố 10 phường Đồng Sơn	Phường Đồng sơn	2023-2024	QĐ số 2177/QĐ-UBND ngày 29/5/2023	3.000	3.000	900		900		900	UBND phường Đồng Sơn
55	Vĩa hè đường Tôn Thất Thuyết phường Đồng Phú	phường Đồng Phú	2023-2025	QĐ số 3824/QĐ-UBND ngày 25/8/2023	1.500	1.500	400		400		550	UBND phường Đồng Phú
56	Xây dựng đường giao thông trong khu dân cư TDP 7 phường Hải thành	phường Hải Thành	2023-2025	QĐ số 4986/QĐ-UBND ngày 08/11/2023	6.000	6.000	900		900		400	UBND phường Hải Thành
57	Tuyến đường nội đồng Cồn giữa về đồng Bàu Năn xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2024	QĐ số 2016/QĐ-UBND ngày 15/9/23	1.100	1.100	400		400		260	UBND xã Nghĩa Ninh
58	Cải tạo Trụ sở UBND xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025	QĐ số 2132/QĐ-UBND ngày 26/5/23	3.500	3.500	400		400		650	UBND xã Nghĩa Ninh

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
59	Sửa chữa kênh mương Miếu đi Khê xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2024	QĐ số 714/QĐ-UBND ngày 07/3/23	1.600	1.600	600		600		600	UBND xã Nghĩa Ninh
60	Sửa chữa kênh mương Cửa Nghệ đi Bàu Nân xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2024	QĐ số 3275/QĐ-UBND ngày 01/8/23	2.500	2.500	600		600		900	UBND xã Nghĩa Ninh
61	Xây dựng mới các tuyến đường trong khu đất thôn Tân Phú xã Quang Phú	xã Quang Phú	2023-2025	QĐ số 910/QĐ-UBND ngày 22/3/2023	8.500	8.500	1.300		1.300		2.000	UBND xã Quang Phú
62	Nâng cấp các tuyến đường nội đồng xứ Đồng Quán HTX Phương Xuân phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2024	QĐ số 1282/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	1.200	1.200	400		400		320	UBND phường Bắc Nghĩa
63	Đường giao thông các TDP Mỹ Cương, phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2024	QĐ số 1503/QĐ-UBND ngày 09/04/2023	1.200	1.200	300		300		300	UBND phường Bắc Nghĩa
64	Đường giao thông TDP 3 Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2024	QĐ số 1502/QĐ-UBND ngày 09/04/2023	1.200	1.200	300		300		300	UBND phường Bắc Nghĩa
65	Đường liên khu vực nối TDP 2-3 Phú Vinh, phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2024	QĐ số 1504/QĐ-UBND ngày 09/04/2023	1.200	1.200	400		400		320	UBND phường Bắc Nghĩa
66	Khắc phục sạt lở tuyến đê sông Phú Vinh, đoạn qua khu quy hoạch bắc Lê Lợi, phường Bắc Nghĩa	phường Bắc Nghĩa	2023-2025	QĐ số 4030/QĐ-UBND ngày 12/9/2023	9.000	9.000	420		420		1.290	UBND phường Bắc Nghĩa
67	Đường giao thông nội đồng HTX Phú Xá xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 3829/QĐ-UBND ngày 28/8/2023	3.000	3.000	600		600		700	UBND xã Lộc Ninh
68	Nâng cấp sửa chữa tuyến đường đoạn Lê Mộ Khải - Quốc lộ 1A xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 2306/QĐ-UBND ngày 6/6/2023	1.200	1.200	300		300		210	UBND xã Lộc Ninh
69	Kênh mương kê khu vực cầu kiệt xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 4131/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	3.000	3.000	300		300		750	UBND xã Lộc Ninh

TT	Tên dự án/Lĩnh vực đầu tư	Địa điểm xây dựng	Thời gian khởi công, hoàn thành	Quyết định phê duyệt BCKTKT			Lũy kế vốn đã bố trí đến 30/11/2023				Kế hoạch vốn năm 2024	Chủ đầu tư
				Số Quyết định/ngày tháng	Tổng mức đầu tư		Tổng cộng	Trong đó:				
					Tổng số	Trong đó: phần vốn NSNN		Ngân sách tỉnh	Ngân sách thành phố	Ngân sách xã, phường		
1	2	3	5	11	12	13	14	15	16	17	19	20
70	Hệ thống thoát nước vùng Ó Ó xã Lộc Ninh	xã Lộc Ninh	2023-2025	QĐ số 4130/QĐ-UBND ngày 20/9/2023	2.000	2.000	300		300		450	UBND xã Lộc Ninh
71	Tuyến kênh mương Vinh Nương Đức Điền, Đức Môn, Đức Giang xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2023-2024	QĐ số 828/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	2.000	2.000	600		600		600	UBND xã Đức Ninh
72	Đầu tư xây dựng tuyến đường giao thông nội đồng từ nhà ba Huế đi Cồn Ngồi xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2023-2024	QĐ số 827/QĐ-UBND ngày 16/3/2023	1.200	1.200	400		400		320	UBND xã Đức Ninh
73	Đầu tư xây dựng Hội trường UBND xã Đức Ninh	xã Đức Ninh	2023-2025	QĐ số 4726/QĐ-UBND ngày 25/10/2023	9.000	9.000	450		450		735	UBND xã Đức Ninh
74	Xây dựng nối đường từ đường Trường Chinh đến đường Hoài Thanh TDP 11, phường Bắc Lý	phường Bắc Lý	2023-2024	QĐ số 1738/QĐ-UBND ngày 04/05/2023	1.200	1.200	400		400		320	UBND phường Bắc Lý
75	Nâng cấp đường Tạ Quang Bửu, thành phố Đồng Hới (giai đoạn 1)	phường Nam Lý, Bắc Nghĩa	2023-2025	QĐ số 4861/QĐ-UBND ngày 31/10/2023	27.000	27.000	746		746		6.000	UBND thành phố
76	Xây dựng vỉa hè đường Quốc lộ 1 (đoạn từ đường F325 đến cổng chào phía Bắc thành phố Đồng Hới)	xã Lộc Ninh, phường Bắc Lý	2023-2025	QĐ số 4964/QĐ-UBND ngày 06/11/2023	20.000	20.000	643		643		5.000	UBND thành phố
77	Xây dựng trụ sở công an xã Nghĩa Ninh	xã Nghĩa Ninh	2023-2025	QĐ số 4112/QĐ-UBND ngày 18/9/2023	6.000	6.000	1.890		1.890		4.110	Công an TP Đồng Hới
78	ĐH - 23	xã Nghĩa Ninh	2022-2024	QĐ 102/QĐ-UBND ngày 18/7/2023	14.567	14.567	12.577		12.577		1.990	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố
79	CH 4 - ĐH 02	phường Đồng Sơn	2023-2025	QĐ số/QĐ-UBND ngày/2023	25.000	25.000	1.000		1.000		13.070	Ban Chỉ huy Quân sự Thành phố

Chữ ký